

## CHƯƠNG TRÌNH

**Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Tỉnh Đắk Nông nằm ở vị trí cửa ngõ phía Tây Nam vùng Tây Nguyên có tổng diện tích tự nhiên 650.927 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 379.973 ha; có trên 80% dân số sống ở khu vực nông thôn, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao (38,11%) trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, chính vì vậy nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; là vấn đề có tính chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên cơ sở vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; cùng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, sự đồng thuận của toàn dân, đã góp phần đạt được những kết quả quan trọng về nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân, cụ thể như: Nông nghiệp phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, tiếp tục khẳng định được vai trò và vị trí quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp đang chuyển mạnh theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phát huy lợi thế địa phương; chú trọng ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh ngày càng được hoàn thiện, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản. Thị trường tiêu thụ được mở rộng cả trong và ngoài nước; xuất khẩu tăng về sản lượng và giá trị. Nông dân phát huy được vai trò chủ thể, tích cực trong sản xuất nông nghiệp, tham gia hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; thu nhập của người dân ngày càng được nâng cao, đời sống, vật chất, tinh thần được cải thiện. Nông thôn có sự thay đổi rõ nét, chương trình xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào sâu rộng, có sức lan tỏa mạnh mẽ, nhận được sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, diện mạo nông thôn dần được khởi sắc.

Tuy nhiên bên cạnh đó, còn một số tồn tại, hạn chế như: sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa bền vững, sức cạnh tranh thấp, chưa

đáp ứng được đòi hỏi của nền sản xuất hàng hóa tập trung; tỷ lệ diện tích sản xuất chứng nhận còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đồng đều; tỷ lệ sản phẩm nông sản liên kết sản xuất, tiêu thụ cũng còn rất thấp và chưa chặt chẽ; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích còn thấp; tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu thấp, chủ yếu chỉ qua sơ chế, chế biến thô, giá trị gia tăng chưa cao. Mức độ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu mới ứng dụng từng phần. Thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn còn khó khăn; cơ giới hóa trong sản xuất chưa đồng bộ; thông tin thị trường nông sản chưa kịp thời; năng suất lao động nông thôn còn thấp. Hạ tầng thủy lợi, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai còn nhiều hạn chế. Nguồn lực tài chính đầu tư còn hạn chế; việc tiếp cận về vốn, tín dụng còn khó khăn. Đời sống vật chất, tinh thần vẫn còn ở mức thấp, chậm được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo cao; hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến còn yếu kém.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ nên chưa sâu sát, quyết liệt trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Nguồn lực đầu tư ngân sách cho ngành nông nghiệp còn hạn hẹp, dàn trải, thiếu tập trung. Cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư chưa đủ mạnh, chưa thu hút được nhà đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Công tác quy hoạch định hướng phát triển sản xuất chưa phù hợp; việc chuyển giao khoa học công nghệ chưa theo kịp yêu cầu thực tế sản xuất.

Quan triệt quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Nghị quyết số 19-NQ/TW*); để phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh với quyết tâm chính trị cao trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW với những nội dung chính như sau:

## **I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN**

### **1. Quan điểm**

a) Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Nguồn lực của tỉnh phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

b) Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung với các ngành hàng chủ lực của tỉnh theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao; chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp gắn kết thị trường trong nước và quốc tế.

c) Xây dựng nông thôn hiện đại có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, môi trường xanh, sạch; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; chú trọng phát triển hài hòa, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và người dân nông thôn. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của người dân làm mục tiêu hàng đầu.

d) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn.

## **2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030**

Nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, quy mô sản xuất hàng hoá gắn với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông thôn phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

## **3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### *a) Giai đoạn đến năm 2025*

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp phân đầu đạt bình quân khoảng 4,5%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân đạt trên 6,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp giảm còn 31,62%; giá trị sản phẩm nông nghiệp trên 1 ha đất nông nghiệp đạt trên 95 triệu đồng.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất 43 xã (*ương đương 70%*) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 12 xã (*ương đương 20%*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 03 xã (*ương đương 05%*) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân toàn tỉnh đạt từ 17,2 tiêu chí nông thôn mới/xã và không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí nông thôn mới; phấn đấu có thêm ít nhất 02 huyện (*ương đương 25%*) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn bình quân đạt từ 50 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 55% và sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 51,7%; đến năm 2025 lao động nông thôn được đào tạo nghề khoảng 7.500 người (*bình quân khoảng 1.500 lao động/năm*).

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 70%.

#### b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 5,1%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân đạt trên 6,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp giảm còn 26,32%; giá trị sản phẩm nông nghiệp trên 1 ha đất nông nghiệp đạt trên 150 triệu đồng.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất 54 xã (*ương đương 90%*) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 30 xã (*ương đương 50%*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn bình quân đạt từ 75 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 60% và sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 45,6%; đến năm 2030 lao động nông thôn được đào tạo nghề khoảng 7.500 - 9.000 người (*bình*

quân khoảng 1.500 - 1.800 lao động/năm).

- Tỷ lệ che phủ rừng trên 42%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 85%.

#### **4. Tầm nhìn đến năm 2045**

Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao gắn với thị trường, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại. Nông dân và người dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

## **II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin, đào tạo nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho nông dân và người dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; chuyển dịch lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập.

Bảo đảm quyền làm chủ của người dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; phát huy tinh thần đoàn kết, xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Hỗ trợ nông dân và người dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị; tiếp cận các nguồn lực, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho người dân nông thôn; thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số và phát triển, bình đẳng giới và bảo hiểm xã hội, y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về dân tộc, giảm nghèo và nông thôn mới; bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới, di cư tự do, vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai; tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất.

### **2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng**

Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng thực chất, hiệu quả, phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai trong sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, chuyên đổi số, cơ giới hóa; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm, giảm phát thải khí nhà kính... Đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành, ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo an ninh lương thực, nguồn nước.

Thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị kinh tế cao. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Về trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng không thích nghi, hiệu quả kinh tế thấp sang trồng và mở rộng diện tích các loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, sinh học.

Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường; kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung; bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi; xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng chống, dịch bệnh.

Về thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, sinh thái; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững.

Về lâm nghiệp, tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; thúc đẩy kinh tế rừng, đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển thị trường các-bon, tăng nhanh diện tích được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp không

có rừng sang diện tích đất phù hợp với quy hoạch; phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ cao cấp.

Về thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai; đảm bảo năng lực an toàn hồ, đập theo quy định; xây dựng công trình tích trữ nước phục vụ đa mục tiêu; thực hiện chính sách hỗ trợ và khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; tăng tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; nâng cao năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai.

Nghiên cứu chọn giống cây ăn trái hiệu quả cao, có lợi thế riêng về chất lượng, phù hợp với từng vùng, từng huyện của tỉnh Đắk Nông gắn với công nghiệp chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm, tăng tính cạnh tranh đối với thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Triển khai làm tốt phương thức “3 đồng” (đồng nhất về giống; đồng nhất về công nghệ, kỹ thuật canh tác; đồng nhất về sản phẩm) và “2 vừa” (vừa sản xuất tập trung; vừa sản xuất phân tán). Từ việc nghiên cứu tiềm năng của thị trường, tập trung chỉ đạo quy hoạch vùng trồng, đồng thời bố trí, quy hoạch quỹ đất để kêu gọi đầu tư các dự án, vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến các loại trái cây xuất khẩu để nâng cao giá trị sản phẩm.

Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, phát triển cây dược liệu đặc trưng bổ sung vào loại cây chủ lực của tỉnh theo “Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” để sản xuất theo hướng hàng hóa. Đồng thời gắn với công nghiệp chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm, tăng tính cạnh tranh đối với thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

### **3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn**

Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện tại địa phương; phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, thương mại điện tử ở nông thôn.

Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất thiết bị, vật tư nông nghiệp; đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một

sản phẩm, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa phương; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

Nghiên cứu chính sách ưu tiên nguồn lực hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp; lựa chọn mô hình phù hợp với trình độ sản xuất, tập quán canh tác của người dân bản địa nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng... Đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giúp người dân vùng nông thôn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số sớm vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng và giảm nghèo bền vững.

#### **4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá**

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bon. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hóa, cảnh quan, môi trường và điều kiện tại địa phương.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ ở đô thị; đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế; cung cấp nước sạch theo quy chuẩn; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai. Xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải.

Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, biên giới, phân đầu không để chênh lệch lớn giữa các vùng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

#### **5. Tập trung hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp; phát triển kinh tế rừng, dịch vụ môi trường rừng, xây dựng nông thôn mới, khởi nghiệp, kinh tế tập thể...



Tăng đầu tư ngân sách giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020; xử lý triệt để tồn đọng về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường; tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước, công ty nông, lâm nghiệp.

Củng cố, mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân; triển khai hiệu quả chính sách bảo hiểm nông nghiệp, giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề nông thôn; phát huy vai trò Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong cung cấp tín dụng sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với các hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen.

#### **6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn**

Đổi mới tổ chức và hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, tiên tiến, thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện trong nông nghiệp; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

Hỗ trợ thành lập quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

Đổi mới hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

#### **7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai**

Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước... gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn với phát triển đô thị; Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, chống thoái hóa đất; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng; xử lý nghiêm các vi phạm.

Bảo đảm an ninh, bền vững nguồn nước; khuyến khích phát triển nông nghiệp

tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến; thu hút đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn. Chủ động các biện pháp phòng, chống thiên tai, sử dụng hiệu quả các giải pháp công trình và phi công trình; nhất là phát huy vai trò của cộng đồng dân cư.

### **8. Chủ động hội nhập, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ**

Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch. Thông tin kịp thời các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các tổ chức cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. Tăng cường hợp tác chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm; ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước; phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

Tiến hành các giải pháp đồng bộ, khả thi trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp sản xuất tại địa phương gắn với đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, xuất xứ sản phẩm. Tiến hành xúc tiến thương mại để xuất khẩu sản phẩm chính ngạch vào các nước đã ký kết các hiệp định thương mại, trong đó đặc biệt chú ý thị trường Trung Quốc, Úc và các nước Đông Bắc Á.

### **9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn**

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành với các địa phương; đổi mới nâng cao hiệu quả phương thức quản lý, điều hành của chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt là công tác giám sát và phản biện

xã hội trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

### III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ Chương trình này để xác định nhiệm vụ, các giải pháp phù hợp, cụ thể thực hiện trong phạm vi tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai xây dựng kế hoạch, các cơ chế, chính sách, đề án, dự án phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và đạt các mục tiêu đề ra.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt Chương trình này, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nội dung Chương trình này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giám sát nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn để tích cực, phối hợp với các ngành chức năng thực hiện thành công Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình này.

5. Các đồng chí Tỉnh ủy viên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương được phân công phụ trách triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình này.

6. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các các ban đảng của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình; tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

#### Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
- Hội Nông dân Việt Nam,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH, Ng)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Ngô Thanh Danh**